

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 37

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất - Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hạnh	Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Mai Hương	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Minh Nguyệt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Bà Lê Hồng Thủy Tiên	Thành viên
Ông Đặng Tuấn Tú	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Ông Phan Lê Hoan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Quốc Hoàng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Ông Chu Khánh Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2018)
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đoàn Thị Mai Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là Bà Tôn Nữ Diệu Trí.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hay không;
- Lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Hạnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 05 tháng 3 năm 2019

301125
CHI
CỔN
CH NH
DEL
VIỆ
7-11

Số: 345/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (gọi tắt là "Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh") được lập ngày 05 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kèm theo dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

00-002
HÀNH
G TY
EM HUU
ITTE
NAM
HỒ C

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả việc điều chỉnh hồi tố một số số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Biên bản thanh tra theo Quyết định số 98/QĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Thanh tra Bộ Tài chính. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0733-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 3 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vòng Mỹ Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3460-2015-001-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

MẪU SỐ B 01-DN

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm (Trình bày lại)	
			Số cuối năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.491.311.471.018	1.397.332.049.264
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	192.859.873.859	532.082.857.177
1. Tiền	111		137.859.873.859	252.082.857.177
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	280.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	597.000.000.000	272.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		28.644.000.000	28.644.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(28.644.000.000)	(28.644.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		597.000.000.000	272.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		306.470.520.937	271.733.796.961
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	86.996.019.690	82.817.529.044
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	32.992.574.809	9.226.202.025
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		141.577.658.889	141.803.207.476
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	112.705.850.772	97.057.206.462
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(67.801.583.223)	(59.170.348.046)
IV. Hàng tồn kho	140	10	332.594.207.040	281.261.545.197
1. Hàng tồn kho	141		332.594.207.040	281.261.545.197
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.386.869.182	40.253.849.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	4.703.004.765	6.754.223.124
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.840.323.736	32.240.302.921
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.843.540.681	1.259.323.884

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

00122
CHI
CÔ
ÁCH NH
DEL
VIỆ
7 - T

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

MÃ SỐ B 01-DN

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		760.948.128.858	773.975.477.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		254.229.013.386	254.938.754.237
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	499.124.645.951	505.903.337.393
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(244.895.632.565)	(250.964.583.156)
II. Tài sản cố định	220		135.835.667.132	151.523.513.059
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	134.107.635.980	123.433.978.191
- Nguyên giá	222		372.933.828.048	355.652.125.077
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.826.192.068)	(232.218.146.886)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	26.790.966.878
- Nguyên giá	225		-	29.913.080.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(3.122.113.492)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.728.031.152	1.298.567.990
- Nguyên giá	228		3.418.126.238	2.478.240.629
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.690.095.086)	(1.179.672.639)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	32.243.749.055	32.243.749.055
- Nguyên giá	231		37.252.913.794	37.252.913.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.009.164.739)	(5.009.164.739)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	53.709.312.935	46.805.709.705
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		53.709.312.935	46.805.709.705
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	272.533.067.928	272.848.120.431
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		178.277.281.987	178.277.281.987
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110.046.251.500	110.046.251.500
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.790.465.559)	(15.475.413.056)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.397.318.422	15.615.631.147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.764.456.799	8.437.813.456
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	6.632.861.623	7.177.817.691
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)			2.252.259.599.876	2.171.307.526.898

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02
 Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh		Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		681.298.799.383	607.254.390.995
I. Nợ ngắn hạn	310		681.041.075.383	589.931.017.696
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	442.608.324.814	381.208.398.961
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.406.809.695	2.653.123.551
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	16.504.302.194	29.548.826.594
4. Phải trả người lao động	314	19	79.901.824.737	57.149.227.973
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		31.004.273	133.060.917
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.204.792.724	2.628.485.379
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	19.966.776.187	11.993.567.319
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	59.125.252.952	63.323.975.135
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	58.291.987.807	41.292.351.867
II. Nợ dài hạn	330		257.724.000	17.323.373.299
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	257.724.000	257.724.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	-	17.065.649.299
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.570.960.800.493	1.564.053.135.903
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1.570.960.800.493	1.564.053.135.903
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.334.813.100.000	1.334.813.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.334.813.100.000	1.334.813.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.862.620.000	3.862.620.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		582.661.723	582.661.723
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		231.702.418.770	224.794.754.180
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm trước	421a		169.310.548	31.015.130.074
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		231.533.108.222	193.779.624.106
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.252.259.599.876	2.171.307.526.898

Hoàng Đôn Huấn
 Người lập biểu

Tôn Nữ Diệu Trí
 Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 3 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.631.155.795.293	2.305.460.597.351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	404.905.009	2.427.797
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.630.750.890.284	2.305.458.169.554
4. Giá vốn hàng bán	11	26	1.421.023.625.664	1.247.933.319.217
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.209.727.264.620	1.057.524.850.337
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	137.563.201.607	135.679.211.659
7. Chi phí tài chính	22	29	13.757.959.262	(4.463.213.961)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		711.901.423	1.618.223.943
8. Chi phí bán hàng	25	30	689.619.191.277	580.458.051.656
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	245.344.005.589	257.284.597.195
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		398.569.310.099	359.924.627.106
11. Thu nhập khác	31	32	26.990.437.432	10.200.868.063
12. Chi phí khác	32		402.043.040	917.291.075
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		26.588.394.392	9.283.576.988
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		425.157.704.491	369.208.204.094
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	70.189.119.003	59.073.974.604
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	544.956.068	4.330.427.798
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		354.423.629.420	305.803.801.692

Hoàng Đôn Huấn
Người lập biểu

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm trước (Trình bày lại)	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	425.157.704.491	369.208.204.094
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	32.419.370.348	29.789.601.018
Các khoản dự phòng	03	2.877.337.089	28.445.802.454
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.622.866.775	(4.074.735.488)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(132.548.172.603)	(88.761.329.446)
Chi phí lãi vay	06	711.901.423	1.618.223.943
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	334.241.007.523	336.225.766.575
Tăng các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	(43.190.392.345)	(2.628.569.367)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	69.500.104.760	49.588.060.172
Giảm chi phí trả trước	12	8.102.642.640	16.015.772.469
Tiền lãi vay đã trả	14	(813.958.067)	(1.508.753.496)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(58.389.702.497)	(68.099.354.822)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.839.689.690)	(18.819.236.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	237.277.350.481	315.873.820.795
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(48.651.688.385)	(25.916.939.913)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	459.572.391	4.809.800
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(525.000.000.000)	(325.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000.000	125.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(10.000.550.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	149.125.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	127.176.824.490	84.527.528.510
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(246.015.291.504)	(2.260.151.603)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	23.675.720.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	118.767.455.142	239.150.337.627
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(119.004.490.003)	(296.613.352.859)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(20.594.464.399)	(2.803.211.625)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(309.287.154.800)	(222.399.521.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(330.118.654.060)	(258.990.028.057)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(338.856.595.083)	54.623.641.135
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	532.082.857.177	477.580.529.362
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(366.388.235)	(121.313.320)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	192.859.873.859	532.082.857.177

Hoàng Đôn Huấn
Người lập biểu

Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

MÃ SỐ B 09-DN

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (gọi tắt là "Công ty"), là Công ty Cổ phần, được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất theo Quyết định số 2572/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301123125 (số cũ 4106000177), đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

Tên giao dịch Quốc tế: Southern Airports Services Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SASCO.

Trụ sở chính: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán "SAS".

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.045 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.001 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động kinh doanh chính trong các lĩnh vực sau:

Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ massage, xoa bóp bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất; Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh; Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác, chế biến bùn khoáng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Chi nhánh, Công ty liên doanh liên kết của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc	Số 379 Đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An	Lô Q-1B Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Khánh Hòa	Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

Các đơn vị thuộc Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh dịch vụ phòng chờ	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội	Tầng 4, Tòa nhà NTS, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Cường, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội, Việt Nam

Công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	38,03%	38,03%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán cho thuê vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	Tỉnh Kiên Giang	50,00%	50,00%	Chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	Berlin, Đức	29,00%	29,00%	Kinh doanh nhà hàng, quán bar, dịch vụ nhà khách, phòng họp; Trưng bày và trực tiếp bán buôn, bán lẻ các mặt hàng Việt Nam, xuất nhập khẩu, môi giới xuất nhập khẩu; Xúc tiến thương mại và đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	TP. Hồ Chí Minh	24,00%	24,00%	Tư vấn, thiết kế, thi công và bảo trì sân vườn; Cung cấp các dịch vụ cây trang trí cho văn phòng; Cho thuê cây
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	TP. Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Dịch vụ, thương mại



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Văn phòng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trên cơ sở dự thu.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

1126
HI-N
CÔNG
NHỆ
LỢI
ÉT N
TP. H

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác theo giá gốc. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền ngoại trừ giá xuất của hàng hóa miễn thuế và trung tâm thương mại được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được hình thành từ các công trình xây dựng do các nhà thầu xây dựng thực hiện được xác định bao gồm: giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	5
Khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là bên đi thuê

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất trong vòng từ 33 năm đến 45 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao trong vòng 05 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong kỳ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong năm và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong năm và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	21.487.792.114	16.259.091.028
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	114.591.032.444	234.467.735.779
Tiền đang chuyển (i)	1.781.049.301	1.356.030.370
Các khoản tương đương tiền (ii)	55.000.000.000	280.000.000.000
	<u>192.859.873.859</u>	<u>532.082.857.177</u>

(i) Tiền đang chuyển là tiền thu từ thẻ tín dụng của khách hàng.

(ii) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất cố định từ 4,6%/năm đến 5,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,3%/năm đến 5,5%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết về Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND			VND		
a. Chứng khoán kinh doanh						
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Á	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)	28.644.000.000	-	(28.644.000.000)
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	597.000.000.000	597.000.000.000	-	272.000.000.000	272.000.000.000	-
	625.644.000.000	597.000.000.000	(28.644.000.000)	300.644.000.000	272.000.000.000	(28.644.000.000)
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	178.277.281.987		(14.900.289.718)	178.277.281.987		(14.900.289.718)
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất (ii)	149.376.730.000	-	-	149.376.730.000	-	-
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) (iii)	14.900.289.718	-	(14.900.289.718)	14.900.289.718	-	(14.900.289.718)
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco (iv)	10.800.262.269	-	-	10.800.262.269	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh (v)	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh (vi)	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	110.046.251.500		(890.175.841)	110.046.251.500		(575.123.338)
Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền (vii)	44.732.290.000	-	-	44.732.290.000	-	-
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Sân bay Nội Bài (viii)	21.811.000.000	66.963.720.000	-	21.811.000.000	90.005.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (vii)	15.464.785.500	-	-	15.464.785.500	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (vii)	11.542.176.000	-	-	11.542.176.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (viii)	8.696.000.000	9.908.976.000	-	8.696.000.000	11.642.400.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp (vii)	4.930.000.000	-	-	4.930.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Phú Quốc (vii)	2.800.000.000	-	(890.175.841)	2.800.000.000	-	(575.123.338)
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm (vii)	70.000.000	-	-	70.000.000	-	-
	288.323.533.487		(15.790.465.559)	288.323.533.487		(15.475.413.056)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(i) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất cố định từ 5,1%/năm đến 7,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5,3%/năm đến 6,5%/năm).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395 thay đổi lần thứ 12 ngày 24 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 đồng, tương đương 38,03% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đầu tư vào Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) 29% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5602000027 thay đổi lần 03 ngày 12 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco 10.800.262.269 đồng, tương đương 50% vốn điều lệ.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313546236 ngày 23 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh 2.000.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ.

(vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515483 ngày 03 tháng 7 năm 2010, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh.

Giá trị hợp lý

(vii) Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

(viii) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu bên thứ ba		
Tổng Công ty hàng không Việt Nam – CTCP - Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất (TOC)	20.869.573.441	20.805.568.843
Priority Pass (A.P) Ltd	14.470.877.894	10.623.391.481
Các khoản phải thu khách hàng khác	43.008.510.933	33.499.253.411
b. Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh 35)	8.647.057.422	17.889.315.309
	86.996.019.690	82.817.529.044

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> (Trình bày lại) VND
a. Ứng trước bên thứ ba		
Công ty TNHH Phát Triển Thành Phố	1.542.881.011	1.542.881.011
Công ty Cổ phần thực phẩm Thiên Hương	1.084.115.857	-
Công ty Cổ phần CN Đại Thủy	3.575.000.000	1.565.909.090
Công ty TNHH QVT	19.475.252.640	-
Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại GHT Việt Nam	3.575.000.000	1.565.909.090
Các nhà cung cấp khác	3.740.325.301	4.491.002.834
b. Ứng trước bên liên quan (Thuyết minh 35)	-	60.500.000
	32.992.574.809	9.226.202.025

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	46.769.062.728	47.430.886.468
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC) - Chi hộ tiền thuê đất	14.637.135.091	12.096.278.815
Lãi dự thu của các ngân hàng	13.178.112.250	8.266.336.528
Ký quỹ	1.067.201.753	1.020.459.240
Công ty TNHH một thành viên xây dựng và kinh doanh nhà Phú Nhuận - Thu hồi vốn và lãi bán nền nhà	1.733.428.375	1.733.428.375
Tạm ứng	99.500.000	413.109.580
Phải thu khác	35.221.410.575	26.096.707.456
	<u>112.705.850.772</u>	<u>97.057.206.462</u>
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh 35)	<u>61.695.383.858</u>	<u>62.727.108.459</u>
b. Dài hạn		
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	244.895.632.565	250.964.583.156
Ứng tiền cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Phú Quốc (i)	162.389.278.838	162.389.278.838
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) (ii)	30.040.240.000	30.040.240.000
Ký quỹ	26.926.608.265	26.107.414.605
Công ty TNHH Một thành viên xây dựng và kinh doanh Nhà Phú Nhuận (iii)	16.978.636.950	16.978.636.950
Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	13.000.000.000	13.000.000.000
Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án khách sạn Sasco - Nha Trang	4.884.249.333	4.884.249.333
Các khoản phải thu dài hạn khác	10.000.000	1.538.934.511
	<u>499.124.645.951</u>	<u>505.903.337.393</u>
Trong đó:		
Phải thu dài hạn bên liên quan (Thuyết minh 35)	<u>244.895.632.565</u>	<u>250.964.583.156</u>
(i)	Ứng tiền cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Phú Quốc là khoản bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại Khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bầu tại Ấp 04, Xã Cửa Cạn, Huyện, Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.	
(ii)	Phải thu dài hạn từ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) là khoản vốn góp hợp tác đầu tư xây dựng.	
(iii)	Phải thu dài hạn từ Công ty TNHH Một thành viên xây dựng và kinh doanh Nhà Phú Nhuận là khoản vốn góp hợp tác kinh doanh.	

9. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		(Trình bày lại) VND	
	Giá gốc	Trích lập dự phòng	Giá gốc	Trích lập dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó:				
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt	296.427.571.462	296.427.571.462	303.224.174.059	303.224.174.059
Công ty CP Vận Tải Hàng Không Miền Nam	14.926.321.130	8.955.792.685	14.926.321.130	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu tiền bán hàng	11.581.391.329	7.016.393.351	2.337.797.414	6.613.298.852
Trả trước cho người bán	297.458.290	297.458.290	26.410.000	297.458.291
	<u>323.232.742.211</u>	<u>312.697.215.788</u>	<u>320.514.702.603</u>	<u>310.134.931.202</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	67.801.583.223	59.170.348.046
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	244.895.632.565	250.964.583.156

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	792.853.273	557.587.238
Công cụ, dụng cụ	1.978.887.070	931.259.309
Hàng hoá	329.754.813.624	279.738.227.629
Hàng gửi bán	67.653.073	34.471.021
	<u>332.594.207.040</u>	<u>281.261.545.197</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mặt bằng	-	4.140.363.640
Chi phí bảo hiểm	142.078.229	164.892.049
Chi phí công cụ dụng cụ	1.608.630.336	707.353.689
Các khoản khác	2.952.296.200	1.741.613.746
	<u>4.703.004.765</u>	<u>6.754.223.124</u>
b. Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	5.299.113.152	7.778.851.905
Chi phí sửa chữa lớn	9.300.710	414.356.292
Các khoản khác	456.042.937	244.605.259
	<u>5.764.456.799</u>	<u>8.437.813.456</u>

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị vận phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	115.640.525.343	22.484.006.938	4.707.556.154	192.454.157.131	20.365.879.511	355.652.125.077
Tăng trong năm	70.100.000	886.597.000	964.220.000	2.436.660.000	-	4.357.577.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.322.257.646	965.857.375	-	-	145.946.791	11.434.061.812
Chuyển từ tài sản thuế tài chính	-	-	-	29.913.080.370	-	29.913.080.370
Thanh lý, nhượng bán	-	(49.000.000)	(150.837.841)	(25.547.557.710)	(2.675.620.660)	(28.423.016.211)
Số cuối năm	126.032.882.989	24.287.461.313	5.520.938.313	199.256.339.791	17.836.205.642	372.933.828.048
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	41.304.959.021	17.976.508.286	3.389.071.806	150.734.727.511	18.812.880.262	232.218.146.886
Khấu hao trong năm	13.106.232.214	1.098.888.404	604.055.270	14.120.540.526	861.801.720	29.791.518.134
Chuyển từ tài sản thuế tài chính	-	-	-	5.239.543.259	-	5.239.543.259
Thanh lý, nhượng bán	-	(49.000.000)	(150.837.841)	(25.547.557.710)	(2.675.620.660)	(28.423.016.211)
Số cuối năm	54.411.191.235	19.026.396.690	3.842.289.235	144.547.253.586	16.999.061.322	238.826.192.068
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	74.335.566.322	4.507.498.652	1.318.484.348	41.719.429.620	1.552.999.249	123.433.978.191
Tại ngày cuối năm	71.621.691.754	5.261.064.623	1.678.649.078	54.709.086.205	837.144.320	134.107.635.980

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 120.148.849.213 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 138.647.849.677 đồng).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	55.555.555	2.422.685.074	2.478.240.629
Tăng trong năm	-	939.885.609	939.885.609
Số cuối năm	55.555.555	3.362.570.683	3.418.126.238
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	55.555.555	1.124.117.084	1.179.672.639
Khấu hao trong năm	-	510.422.447	510.422.447
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	55.555.555	1.634.539.531	1.690.095.086
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	1.298.567.990	1.298.567.990
Tại ngày cuối năm	-	1.728.031.152	1.728.031.152

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 823.436.968 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 55.555.555 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	37.252.913.794
GIÁ TRỊ HAO MÒN ĐÃ TRÍCH (*)	
Số dư đầu năm và cuối năm	5.009.164.739
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm và cuối năm	32.243.749.055

(*) Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và dừng trích hao mòn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Văn phòng Công ty tại TP.HCM hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Nguyên giá</u> VND	<u>Hao mòn lũy kế</u> VND	<u>Giá trị còn lại</u> VND
- Khu đất 10.316 m ² tại Xuân Thới Sơn - Hóc Môn	5.132.260.000	801.122.625	4.331.137.375
- Khu đất số 9,10,11 thuộc Khu đất 2.000 m ² và 1.000m ² tại Đường Hùng Vương, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	6.222.717.346	1.256.109.502	4.966.607.844
- Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m ² tại Đường Hùng Vương, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	3.472.623.126	660.530.562	2.812.092.564
- Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m ² tại Đường Hùng Vương, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	8.216.358.700	683.547.876	7.532.810.824
- Khu đất 9.973 m ² tại ấp Rạch Chiểu, Xã Hàm Ninh, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	5.458.267.422	396.881.118	5.061.386.304
- Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m ² tại Đường Nguyễn Chí Thành, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	8.750.687.200	1.210.973.056	7.539.714.144
Cộng	<u>37.252.913.794</u>	<u>5.009.164.739</u>	<u>32.243.749.055</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Dự án trang trại Suối Nhung (Bình Phước)	27.337.545.444	25.997.851.354
Dự án khách sạn Sasco Nha Trang	11.398.430.499	10.056.490.141
Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Suối Hoa	7.278.293.746	4.140.957.520
Các khoản khác	7.695.043.246	6.610.410.690
	<u>53.709.312.935</u>	<u>46.805.709.705</u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Thuế suất %	Giá trị VND	Thuế suất %
Khấu hao bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá	4.520.308.115	20	904.061.623	20
Dự phòng đầu tư giảm giá chứng khoán ngắn hạn	28.644.000.000	20	5.728.800.000	20
Dự phòng phải thu khó đòi	-	20	2.581.206.700	20
Các khoản khác	-	20	143.573.640	20
	<u>33.164.308.115</u>		<u>6.632.861.623</u>	
			<u>35.889.088.455</u>	
				<u>7.177.817.691</u>

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải trả bên thứ 3		
IPP Group (S) Pte., Ltd	338.026.399.084	288.350.671.815
Các nhà cung cấp khác	51.869.307.900	45.849.388.701
b. Phải trả các bên liên quan (thuyết minh 35)	<u>52.712.617.830</u>	<u>47.008.338.445</u>
	<u>442.608.324.814</u>	<u>381.208.398.961</u>

Tất cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng trả nợ.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp/ thu trong năm</u> VND	<u>Số đã nộp/ thu trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	1.259.323.884	20.746.533.369	21.330.750.166	1.843.540.681
	1.259.323.884	20.746.533.369	21.330.750.166	1.843.540.681
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	122.664.082	122.664.082	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	215.053.452	215.053.452	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.704.885.688	70.189.119.003	58.389.702.497	16.504.302.194
Tiền thuế đất	24.843.940.906	12.308.481.924	37.152.422.830	-
Các khoản phải nộp khác	-	9.105.261	9.105.261	-
	29.548.826.594	82.844.423.722	95.888.948.122	16.504.302.194

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Quý lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 14/2018/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 03 năm 2018 với tỷ lệ 24% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện bằng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ giá vốn hàng mua - giá thành dịch vụ, sản xuất (không bao gồm lương và chi phí khấu hao). Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ ngắn hạn	939.572.713	476.008.536
Cổ tức phải trả	861.554.400	472.070.000
Kinh phí công đoàn	421.332.239	392.039.644
Phải trả về thu đối ngoại tệ	9.831.732.735	5.289.281.954
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.912.584.100	5.364.167.185
	19.966.776.187	11.993.567.319
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	257.724.000	257.724.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

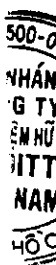
21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	59.795.160.035	59.795.160.035	-	59.795.160.035	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thủ Đức	-	-	59.125.252.952	-	432.872.222	59.125.252.952
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	59.209.329.968	59.209.329.968	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.528.815.100	3.528.815.100	-	3.528.815.100	-	-
	63.323.975.135	63.323.975.135	118.334.582.920	122.533.305.103	432.872.222	59.125.252.952
Nợ thuê tài chính dài hạn	17.065.649.299	-	-	17.065.649.299	-	-

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng tín dụng số 5964/2018/CTC/HĐTD ngày 28 tháng 8 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cho vay theo từng thời điểm nhận nợ và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Số dư gốc còn lại tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 2.546.307,19 USD và sẽ đáo hạn vào ngày 05 tháng 03 năm 2019.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng						
Trích quỹ bổ sung năm trước	23.214.087.494		17.087.893.178		990.371.195	41.292.351.867
Trích quỹ năm nay	158.416.408		144.014.916		14.401.492	316.832.816
Sử dụng quỹ	18.761.246.407		17.055.678.552		1.705.567.855	37.522.492.814
	(5.123.800.000)		(14.425.518.495)		(1.290.371.195)	(20.839.689.690)
Số dư cuối năm	37.009.950.309		19.862.068.151		1.419.969.347	58.291.987.807



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần (Trình bày lại) VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	1.334.813.100.000	3.862.620.000	582.661.723	176.613.904.781	1.515.872.286.504
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	305.803.801.692	305.803.801.692
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	(34.988.166.293)	(34.988.166.293)
Chia cổ tức	-	-	-	(222.634.786.000)	(222.634.786.000)
Số dư đầu năm nay	1.334.813.100.000	3.862.620.000	582.661.723	224.794.754.180	1.564.053.135.903
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	354.423.629.420	354.423.629.420
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	(37.839.325.630)	(37.839.325.630)
Chia cổ tức	-	-	-	(309.676.639.200)	(309.676.639.200)
Số dư cuối năm nay	1.334.813.100.000	3.862.620.000	582.661.723	231.702.418.770	1.570.960.800.493

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2018 ngày 27 tháng 3 năm 2018, cổ tức năm 2017 được trích và phải trả cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo tỷ lệ chi trả 1.520 đồng/1 cổ phiếu, với số tiền là 202.891.591.200 đồng. Trong năm, cổ tức đã được chi trả cho các cổ đông.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 27-2018/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 8 năm 2018, cổ tức đợt 1 năm 2018 đã được tạm ứng cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo tỷ lệ chi trả 800 đồng/1 cổ phiếu, với số tiền là 106.785.048.000 đồng. Trong năm, cổ tức đã được chi trả cho các cổ đông.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2018 ngày 27 tháng 3 năm 2018, quỹ thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đã được trích bằng 0,5% lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2018 khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện đạt kế hoạch lợi nhuận được ĐHCĐ thông qua. Theo tờ trình số 082 SASCO-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2018, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tạm trích lần lượt bằng 5,5% và 5% lợi nhuận sau thuế. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sẽ thực hiện điều chỉnh khi Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua tỷ lệ trích các quỹ trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Cổ phần:

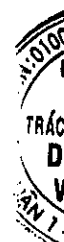
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	133.481.310	133.481.310
-Cổ phần phổ thông	133.481.310	133.481.310
-Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	133.481.310	133.481.310
-Cổ phần phổ thông	133.481.310	133.481.310
-Cổ phần ưu đãi	-	-

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 4 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 1.334.813.100.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phần	%	Cổ phần	%
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	65.504.200	49,07	65.504.200	49,07
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	33.340.200	24,98	33.340.200	24,94
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	6.575.000	4,93	6.575.000	4,93
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	20.538.400	15,39	20.538.400	15,39
Các cổ đông khác	7.523.510	5,64	7.523.510	5,67
Số dư cuối năm	133.481.310	100	133.481.310	100
			VND	VND
			1.334.813.100.000	1.334.813.100.000



24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Đô la Mỹ ("USD")	3.997.604,50	8.465.211,30
- Đồng Euro ("EUR")	134.344,80	52.501,52
- Đô la Úc ("AUD")	21.495,01	16.610,01
- Bạc Thái Lan ("BHT")	54.410,00	33.110,00
- Đô la Canada ("CAD")	3.055,00	4.855,00
- Bảng Anh ("GBP")	3.560,01	3.650,01
- Franc Thụy Sĩ ("CHF")	3.280,00	1.000,00
- Đô la Hồng Kông ("HKD")	8.870,00	11.540,00
- Yên Nhật ("JPY")	3.569.000,00	1.105.000,00
- Đô la Singapore ("SGD")	33.090,00	17.233,00
- Đô la New Zealand ("NZD")	3.590,00	505,00
- Won Hàn Quốc ("KRW")	1.000,00	18.000,00

Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Đơn vị tính</u>		<u>Đơn vị tính</u>	
	Cái	Khác	Cái	Khác
Cây kiểng, tranh, hoa	68	-	169	1
Hàng công nghệ phẩm	13.270	13.207	12.619	13.163
Da và giả da	2.807	808	3.062	760
Hàng may mặc, vải	20.737	1.481	19.189	1.665
Hàng mỹ nghệ	51.768	14.139	46.059	14.676
Hàng mỹ phẩm	3.753	8.204	1.584	7.042
Hàng thực phẩm	-	20.338	-	13.030
Hàng trang sức	1.494	1.564	2.286	793
Văn hóa phẩm	1.955	2.431	600	1.092
Vàng bạc - đá quý	67	5.451	857	18.286
	95.919	67.623	86.425	70.508

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	23.279.144	23.279.144
Trả trước cho người bán	10.500.000	10.500.000
Phải thu khác	-	189.419.811
	33.779.144	223.198.955

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	1.328.705.861.339	1.171.138.108.598
Doanh thu hàng hóa tại trung tâm thương mại	351.514.258.789	330.626.655.435
Doanh thu hoạt động phòng chờ	414.060.063.678	343.821.035.693
Doanh thu các hoạt động khác	536.875.611.487	459.874.797.625
	2.631.155.795.293	2.305.460.597.351
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại, chiết khấu	404.905.009	2.427.797
	404.905.009	2.427.797

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	1.008.900.882.231	886.637.370.032
Giá vốn hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	170.427.091.054	165.785.320.358
Giá vốn phòng chờ	88.474.986.726	58.187.600.057
Giá vốn các hoạt động khác	153.220.665.653	137.323.028.770
	<u>1.421.023.625.664</u>	<u>1.247.933.319.217</u>

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	141.426.827.158	68.980.183.260
Chi phí nhân viên	316.298.646.800	285.217.736.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.419.370.348	29.789.601.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	424.575.087.159	385.408.273.110
Chi phí bằng tiền khác	198.066.280.230	179.733.867.669
	<u>1.112.786.211.695</u>	<u>949.129.661.651</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi	36.407.205.981	30.656.352.419
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	5.474.601.395	40.444.890.816
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	4.074.735.488
Cổ tức lợi nhuận được chia	95.681.394.231	58.138.101.436
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.365.131.500
	<u>137.563.201.607</u>	<u>135.679.211.659</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	711.901.423	1.618.223.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	7.108.138.561	2.486.049.053
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	5.622.866.775	-
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá tổn thất đầu tư	315.052.503	(8.687.807.826)
Chi phí tài chính khác	-	120.320.869
	<u>13.757.959.262</u>	<u>(4.463.213.961)</u>

3-02
 ANH
 TY
 HỮU
 I TE
 AM
 5 CH

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên bán hàng	131.713.577.260	119.437.550.326
Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	3.389.771.513	3.098.780.219
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	15.589.161.732	14.818.024.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.547.660.897	9.415.063.854
Chi phí thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho	204.536.535.597	175.113.786.106
Chi phí quản lý thuê điều hành	132.791.941.696	125.294.631.790
Chi phí hợp tác kinh doanh	102.716.440.520	60.800.992.684
Chi phí khác	88.334.102.062	72.479.222.277
	<u>689.619.191.277</u>	<u>580.458.051.656</u>

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên quản lý	173.187.737.023	155.764.555.575
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.196.826.560	1.510.963.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.399.222.261	5.460.602.180
Thuế, phí và lệ phí	8.066.801.082	7.769.914.977
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	-	12.916.853.904
Chi phí bằng tiền khác	54.931.134.077	36.728.096.690
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.562.284.586	37.133.610.280
	<u>245.344.005.589</u>	<u>257.284.597.195</u>

32. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	459.572.391	-
Thu nhập do thanh lý công cụ dụng cụ	2.882.153	-
Thu nhập do hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	7.944.782.414	7.082.446.695
Thu nhập do đàm phán lại hợp đồng với đối tác	17.279.118.355	-
Các khoản khác	1.304.082.119	3.118.421.368
	<u>26.990.437.432</u>	<u>10.200.868.063</u>

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh xác nhận số liệu ghi nhận trong báo cáo tài chính là chưa quyết toán. Do việc áp dụng pháp luật thuế và các qui định về thuế chịu ảnh hưởng bởi những các diễn giải khác nhau, số liệu ghi nhận trong báo cáo tài chính chịu sự thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	222.872.211.889	176.045.922.470



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	210.560.179.224	186.671.502.956
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	841.434.316.896	746.282.811.826
Sau năm năm	883.516.719.788	1.091.076.756.594
	<u>1.935.511.215.908</u>	<u>2.024.031.071.376</u>

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên có quan hệ mật thiết trong gia đình của các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không phát sinh các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tiền lương	3.476.954.547	2.937.454.544
Thù lao	468.000.000	540.000.000
Tiền thưởng	7.005.117.232	6.197.639.862
	<u>10.950.071.779</u>	<u>9.675.094.406</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Mối quan hệ với các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	Công ty liên kết
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam	Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
Công Ty Cổ Phần Thương mại Hàng Không Miền Nam	Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng Không Miền Nam	Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	Công ty liên kết của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	Cổ đông
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	Cổ đông
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	Cổ đông
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	1.826.233.019	1.603.820.285
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	2.286.343.147	3.799.749.547
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	183.842.177	6.172.375
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	1.557.237.377	1.217.261.923
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	-	7.657.792.440
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	3.226.412.045	3.330.284.078
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	252.233.005	1.474.291.392
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	54.054.908	13.679.180
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	232.247.172	-
	<u>9.618.602.850</u>	<u>19.103.051.220</u>
Mua hàng với các bên liên quan		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	344.834.869.967	293.544.884.113
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	6.752.798.005	5.247.011.328
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	-	-
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	21.174.401.763	20.611.482.912
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	586.559.978	162.671.424
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	1.551.626.935	1.133.906.524
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	320.563.637	267.295.457
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	1.559.900.000	-
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	126.808.672.130	67.017.712.606
	<u>503.589.392.415</u>	<u>387.984.964.364</u>
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	28.381.578.700	13.443.905.700
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco	886.817.847	996.945.627
Công ty Cổ phần phát triển vườn xanh	276.000.000	252.000.000
	<u>29.544.396.547</u>	<u>14.692.851.327</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	151.969.744.000	110.309.072.800
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	77.349.264.000	54.260.498.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	47.649.088.000	33.014.756.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh	15.254.000.000	11.072.300.000
	<u>292.222.096.000</u>	<u>208.656.626.800</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu của khách hàng		
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP	2.529.770.450	2.591.614.180
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	-	1.530.924.100
Công ty Liên doanh cổ phần Nhà Việt (Vlethaus)	4.762.876.169	4.828.704.435
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	662.267.903	813.189.194
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	-	6.932.860.000
Công ty Cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	-	1.038.092.900
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	551.512.900	25.570.800
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	122.210.000	104.879.700
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	18.420.000	23.480.000
	<u>8.647.057.422</u>	<u>17.889.315.309</u>

Trả trước cho người bán

Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP	-	60.500.000
	-	<u>60.500.000</u>

Phải thu ngắn hạn khác

Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Vlethaus)	46.769.062.728	47.430.886.468
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	14.926.321.130	15.296.221.991
	<u>61.695.383.858</u>	<u>62.727.108.459</u>

Phải thu dài hạn khác

Công ty Liên doanh cổ phần Nhà Việt (Vlethaus)	244.895.632.565	250.964.583.156
	<u>244.895.632.565</u>	<u>250.964.583.156</u>

Phải trả người bán

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	32.609.331.580	26.598.919.257
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	14.918.219.225	13.677.904.768
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh	2.128.493.804	1.925.306.629
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	1.612.587.345	2.112.917.771
Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Vlethaus)	1.073.381.328	1.099.131.540
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	268.400.000	511.225.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh	66.669.548	7.899.980
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	35.535.000	381.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	-	693.633.500
	<u>52.712.617.830</u>	<u>47.008.338.445</u>

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 13.204.073.894 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.279.936.528 đồng) là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 21.741.017.493 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.461.313.331 đồng), là số tiền ứng trước mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.358.788.948 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 861.554.400 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 472.070.000 đồng) là khoản cổ tức còn phải thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

37. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Các điều chỉnh hồi tố căn cứ theo Biên bản thanh tra theo Quyết định số 98/QĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Thanh tra Bộ Tài Chính, chi tiết như sau:

Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số đầu năm	Số điều chỉnh
		(Số liệu đã báo cáo) VND	(Trình bày lại) VND	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8.044.383.845	9.226.202.025	1.181.818.180
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(61.488.902.766)	(59.170.348.046)	2.318.554.720
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	28.828.752.014	29.548.826.594	720.074.580
Thặng dư vốn cổ phần	412	3.962.620.000	3.862.620.000	(100.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	190.899.325.786	193.779.624.106	2.880.298.320

Báo cáo kết quả kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

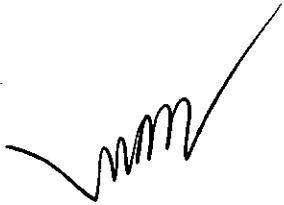
Chi tiêu	Mã số	Năm trước	Năm trước	Thay đổi
		(Số liệu đã báo cáo) VND	(Trình bày lại) VND	
Chi phí bán hàng	25	581.639.869.836	580.458.051.656	(1.181.818.180)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	259.703.151.915	257.284.597.195	(2.418.554.720)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	58.353.900.024	59.073.974.604	720.074.580

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
- VĂN PHÒNG CÔNG TY TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	Mã số	Năm trước	Năm trước	Thay đổi
		(Số liệu đã báo cáo) VND	(Trình bày lại) VND	
Các khoản dự phòng	03	30.764.357.174	28.445.802.454	(2.318.554.720)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.446.751.187)	(2.628.569.367)	(1.181.818.180)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	23.775.720.000	23.675.720.000	(100.000.000)



Hoàng Đôn Huấn
Người lập biểu



Tôn Nữ Diệu Trí
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Tổng Giám đốc
 Ngày 05 tháng 3 năm 2019

